

SỰ LỰA CHỌN CON ĐƯỜNG CỨU NƯỚC VÀ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM TỪ CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẾN THẾ KỶ XX

The selection way of national salvation and social development of national history at the end of 19th century and beginning of 20th century

Ngày nhận bài: 10/01/2017; ngày phản biện: 15/01/2017; ngày duyệt đăng: 22/3/2017

Trần Minh Tú*

TÓM TẮT

Cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam được tiến hành bằng con đường cách mạng vô sản dưới ánh sáng của Chủ nghĩa Mác – Lênin và Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga năm 1917. Cuộc đấu tranh gay gắt giữa các khuynh hướng cứu nước phong kiến, tư sản, vô sản vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX và sự phát triển không ngừng của phong trào cách mạng nước ta đòi hỏi một sự lựa chọn sáng suốt của lịch sử nhằm tìm ra con đường cứu nước đúng đắn, giải phóng dân tộc và phát triển xã hội. Sự lựa chọn này có ý nghĩa hết sức quan trọng, quyết định tới vận mệnh của quốc gia, dân tộc. Trải qua những thăng trầm của lịch sử, cuối cùng thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã chứng minh: Con đường cách mạng vô sản ở nước ta được chính lịch sử nước ta lựa chọn và sự lựa chọn đó là đúng đắn cả trong hoàn cảnh đất nước ta hiện nay và cũng phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử loài người.

Từ khóa: *Lựa chọn; con đường cứu nước; phát triển xã hội.*

ABSTRACT

Parallel with national history, Buddhism in Vietnam has been formed with a variety of characteristics of cultural tradition. Today, appearance and stature of Buddhist and Buddhism have had a strong position in national-modern culture. A new era with challenges of integration and development, benefits of individuals and public, sympathy and competition in market require dynamic of Buddhist spirit, and maximize human sustainable values of Vietnamese Buddhism in national culture.

Keywords: *selection; national salvation; social development*

1. Những yêu cầu đặt ra đối với xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

Từ khi thực dân Pháp xâm lược và tiến hành khai thác thuộc địa cho đến năm 1945, tính chất xã hội Việt Nam đã có sự thay đổi, nó không đơn thuần là một xã hội phong kiến mà trở thành xã hội thuộc địa nửa phong kiến. Trong xã hội đó tồn tại hai mâu thuẫn cơ bản, đó là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc xâm lược và mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân với địa chủ phong kiến, trong đó mâu thuẫn cơ bản nhất là mâu thuẫn dân tộc.

Do vậy, yêu cầu đặt ra là phải giải quyết mâu thuẫn bằng cách đánh đổ ách thống trị thực dân và tay sai, giành lại độc lập tự do. Trong đó tự do ở một nước thuộc địa như Việt Nam trước hết là ruộng đất và mục tiêu cao nhất là chính quyền. Để thực hiện được yêu cầu này, vấn đề đặt ra là phải lựa chọn con đường cứu nước giải phóng dân tộc và phát triển xã hội như thế nào cho đúng đắn và phù hợp với bối cảnh của xã hội Việt Nam trong từng thời kỳ lịch sử.

Lịch sử dân tộc ta từ cuối thế kỷ XIX

*Đại học Tân Trào

đầu thế kỷ XX đã từng xuất hiện những lựa chọn khác nhau về con đường cứu nước: phong kiến, tư sản và vô sản. Mỗi một con đường bao gồm hai giai đoạn nối tiếp nhau đi từ cứu nước (giải phóng dân tộc) đến phát triển xã hội (đó là hướng tiến lên của dân tộc sau khi giải phóng). Mỗi một con đường đều có nội dung và những đặc điểm riêng nhưng nó cùng một công thức chung, đó là: xác định kẻ thù là ai; nhiệm vụ, mục tiêu, phương hướng cách mạng là gì? Lãnh đạo cách mạng hoặc là giai cấp phong kiến, tư sản, vô sản hoặc là một bộ phận tiên tiến trong ba giai cấp đó và lãnh đạo cách mạng bao giờ cũng phải đứng trên lập trường của một giai cấp nào đó nhưng phải là giai cấp tiên tiến đại diện cho phương thức sản xuất tiên bộ.

Xuất phát từ bối cảnh xã hội Việt Nam trong từng thời kỳ khác nhau mà đã từng có những con đường cứu nước không giống nhau, nhưng cuối cùng con đường cách mạng vô sản – con đường đúng đắn nhất đáp ứng được yêu cầu của lịch sử Việt Nam được lựa chọn. Từ năm 1930 – 1945, lịch sử đã lựa chọn con đường cách mạng vô sản và cuối cùng giành thắng lợi trong cách mạng tháng Tám. Đó là thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc đi theo con đường vô sản, đồng thời cũng chính là thắng lợi của tư tưởng Hồ Chí Minh và của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc đưa lịch sử dân tộc Việt Nam đi theo con đường của mình.

2. Sự đấu tranh trong quá trình lựa chọn con đường cứu nước, phát triển xã hội Việt Nam

Vào giữa thế kỷ XIX là thời kỳ phát triển của chủ nghĩa tư bản, nhu cầu về thị trường nguyên liệu, nguồn lao động ngày càng cấp thiết để phát triển kinh tế. Các nước tư bản phương tây tiến hành xâm lược thuộc địa. Ở Việt Nam, chế độ phong kiến bước vào thời kỳ khủng hoảng mặc dù cũng có những chính

sách tiên bộ về kinh tế, văn hóa nhưng nhà Nguyễn cũng đã thực hiện nhiều chính sách sai lầm trong đối nội và đối ngoại. Từ những chính sách sai lầm cùng với những khó khăn về kinh tế, xã hội dẫn tới mâu thuẫn sâu sắc giữa nhà nước với nhân dân, giữa nông dân với địa chủ phong kiến và đã bùng nổ những cuộc đấu tranh của nông dân chống lại địa chủ, nhân dân chống nhà nước... đã tạo cơ hội cho thực dân Pháp xâm lược Việt Nam.

Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược nước ta, nhà Nguyễn đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống Pháp, nhưng do sự do dự, để lỡ thời cơ mà chính quyền phong kiến đã ký kết hàng loạt những điều ước bất bình đẳng với thực dân Pháp: 1862, 1874, 1883, 1884. Điều đó thể hiện sự yếu ớt bạc nhược và có phần thiếu trách nhiệm đối với lịch sử dân tộc. Một bộ phận có tinh thần kháng chiến (phe chủ chiến) đã làm cuộc nổi dậy trong kinh thành Huế vào năm 1885 nhưng không thể xoay chuyển được tình thế. Sau đó, Tôn Thất Thuyết lấy danh nghĩa là Vua Hàm Nghi kêu gọi nhân dân phò vua cứu nước. Hưởng ứng Chiếu Cần Vương, phong trào đấu tranh của nhân dân nổi lên mạnh mẽ với mục tiêu chống đế quốc Pháp và vua quan phong kiến đầu hàng giành độc lập dân tộc, khôi phục chế độ phong kiến. Những cuộc đấu tranh theo khuynh hướng phong kiến chủ yếu là bí mật, bất hợp pháp, bạo động vũ trang mang tính chất địa phương, cục bộ thiếu sự liên kết phối hợp với nhau.

Ngay từ khi thực dân Pháp xâm lược, phong trào đấu tranh của nhân dân đã nổ ra mạnh mẽ để cản bước tiến của giặc, song phong trào phong kiến đã thể hiện sự cản trở không đáp ứng được yêu cầu của lịch sử, đó là: Đề ra mục tiêu giành độc lập dân tộc nhưng không giải quyết được vấn đề dân chủ (ruộng đất của nông dân không được thực hiện).

Phong trào là xây dựng nhà nước phong kiến nhưng nhà nước đó đã bộc lộ những mặt yếu kém, lỗi thời. Lãnh đạo phong trào là các sĩ phu, văn thân họ xuất thân từ giai cấp phong kiến có những hạn chế về giai cấp và thời đại nên không tìm ra được con đường đấu tranh đúng đắn. Hình thức đấu tranh của phong trào là bạo động trong khi lực lượng quân sự của ta yếu kém, lực lượng của địch thì mạnh, do đó phải có một sức mạnh tổng hợp kết hợp nhiều hình thức đấu tranh nhưng phong trào phong kiến không đáp ứng được. Phong trào nổ ra với quy mô nhỏ bé có tính chất đơn độc, địa phương, thiếu sự phối hợp giữa các phong trào, thiếu sự thống nhất phong trào trong cả nước. Phong trào Cần Vương là sự cố gắng cuối cùng của con đường phong kiến nhưng cuối cùng vẫn thất bại hoàn toàn. Do vậy, cần phải tìm đến một khuynh hướng đấu tranh mới để đáp ứng mong muốn của phong trào đấu tranh của nhân dân và yêu cầu cấp thiết của lịch sử.

Sang đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản chuyển sang chủ nghĩa đế quốc, thế giới xuất hiện nhiều cuộc cách mạng tư sản và những cuộc cải cách duy tân đất nước, nó trở thành một trào lưu của thời đại. Những cuộc cách mạng: Cách mạng tư sản Pháp (1789), Minh trị duy tân (Nhật Bản), cuộc vận động Duy Tân (Trung Quốc), cách mạng Tân Hợi... và những tư tưởng dân chủ tư sản ở Á Đông đã ảnh hưởng tới Việt Nam, trước hết là các trí thức yêu nước tiêu biểu như: Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, ngoài ra còn có các công nhân, binh lính làm việc cho Pháp, thương nhân, đội quân khai thác thuộc địa... Tư tưởng tư sản (những hạt giống mới) vào Việt Nam đúng vào lúc có cơ sở để tiếp thu, đó là cơ sở kinh tế - xã hội (yếu tố kinh tế tư bản và giai cấp tư sản) và những điều kiện về chính trị (phong trào yêu nước diễn ra mạnh mẽ). Những cơ sở và điều kiện này được tạo ra bởi

cuộc khai thác thuộc địa và những chính sách cai trị của thực dân Pháp.

Như vậy, trong lúc lịch sử không chấp nhận sự hạn chế của phong trào phong kiến (phong trào đấu tranh theo con đường phong kiến) thì lúc này lại xuất hiện một khuynh hướng đấu tranh chính trị mới đáp ứng được mong muốn của nhân dân. Đặc biệt là những điều kiện ra đời cho một khuynh hướng yêu nước mới đã có đầy đủ, đó là con đường cứu nước và phát triển xã hội theo khuynh hướng tư sản.

Nổi bật trong khuynh hướng cứu nước tư sản là hai xu hướng cứu nước bạo động và cải cách của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh. Hai ông đều là những trí thức yêu nước xuất thân từ giai cấp phong kiến nhưng cả hai ông đều có sự tiếp thu tư tưởng mới trong bối cảnh giao thời. Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh muốn cứu nước, cứu dân, luôn đặt nhiệm vụ này lên trên hết. Mục tiêu phấn đấu của hai ông là dân giàu nước mạnh theo con đường cách mạng tư sản và tiến lên xã hội tư bản. Chủ trương cứu nước chống đế quốc giành độc lập dân tộc bằng phương pháp bạo động của Phan Bội Châu đã khơi dậy tinh thần yêu nước của dân tộc, làm bùng lên phong trào nhân dân đấu tranh chống Pháp. Chủ trương cải cách duy tân đất nước nâng cao dân trí, trấn hưng dân quyền của Phan Châu Trinh có tác dụng rất lớn, ông là người đầu tiên đề xướng tư tưởng tự do dân chủ, với tư tưởng mới tư sản ông đã tán công vào hệ tư tưởng phong kiến đã trở nên lỗi thời lạc hậu, mở đường cho hệ tư tưởng mới vào nước ta. Chủ trương cải cách duy tân tư tưởng văn hóa đã đáp ứng yêu cầu của quần chúng và được ủng hộ rộng rãi - nhất là đối với tầng lớp mới, đó là yêu cầu học hỏi, mong muốn tiến bộ. Tư tưởng cải cách duy tân, tự do dân chủ của Phan Châu Trinh đã góp phần thức tỉnh lòng yêu nước của nhân dân ta, làm dấy lên trong cả nước phong trào duy tân

sôi nổi với hai trung tâm: Cuộc vận động duy tân chống thuế Trung kỳ (1906-1908) và Đông kinh nghĩa thực ở Bắc kỳ (1907).

Mặc dù chủ trương cứu nước theo xu hướng bạo động và cái cách của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh có những mặt tích cực nhưng còn có những hạn chế nhất định: không gắn các nhiệm vụ, mục tiêu trước mắt với nhau, hai ông đều không tin hoàn toàn vào sức mạnh của dân, có ảo tưởng vào kẻ thù (dựa vào Nhật để chống Pháp, dựa vào Pháp để khai hóa văn minh), không kết hợp các phương pháp đấu tranh và các phương thức hoạt động với nhau, chủ trương đúng đắn nhưng biện pháp thực hiện thì thiếu cơ sở và sai lầm. Đặc biệt là khi tiếp thu luồng tư tưởng tư sản cả hai ông đều không khắc phục được hạn chế về mặt giai cấp, do đó khi đề ra chủ trương cứu nước và trong quá trình thực hiện đã không tránh khỏi sự thất bại.

Trong thời kỳ này đã bùng nổ mạnh mẽ phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản. Ở nước ngoài, từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất ngoài hoạt động của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc còn có hoạt động của nhiều nhà yêu nước như Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường làm cho phong trào yêu nước của đồng bào trong nước và kiều bào ta tại Pháp dâng lên rất mạnh. Tiêu biểu là phong trào đòi hỏi hương cho binh lính Việt Nam ở Pháp sau chiến tranh, đòi các quyền tự do dân chủ... đáng kể và sôi nổi nhất là việc chỉ trích, phê phán vua Khải Định bù nhìn khi ông ta sang Pháp năm 1922.

Ở Trung Quốc, tổ chức “Tâm tâm xã” của những thanh niên tiểu tư sản hoạt động rất sôi nổi, tiêu biểu nhất là vụ ám sát Toàn quyền Đông Dương Méc Lanh do Phạm Hồng Thái thực hiện (16/6/1924). Trong nước, phong trào đấu tranh của giai cấp tư sản dân tộc bùng nổ: phong trào chấn hưng nội hóa, bài trừ ngoại

hóa (1919), đấu tranh chống độc quyền thương cảng Sài Gòn và độc quyền xuất cảng lúa gạo Nam Kỳ của tư sản Pháp (1923). Ngoài ra còn có phong trào đấu tranh của tầng lớp tiểu tư sản trí thức với nhiều hoạt động phong phú và sôi nổi như mít tinh, biểu tình, bãi khóa... Trong cao trào yêu nước dân chủ công khai có hai sự kiện nổi bật là cuộc đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội Châu năm 1925 và đám tang Phan Châu Trinh năm 1926. Nhìn chung, phong trào đấu tranh của giai cấp tư sản dân tộc không thể hiện lòng yêu nước mà mang tính chất bùng nổ và nhất thời, tính chất thỏa hiệp, cải lương và ngày càng xa rời đi đến chỗ đối lập với quần chúng. Sự thất bại của phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản xét về khách quan, hệ tư tưởng dân chủ tư sản trên thế giới đã bước vào thời kỳ suy tàn, không còn hấp dẫn như thời kỳ đang lên của nó. Mặt khác, thực dân Pháp còn mạnh, còn đủ sức đàn áp những cuộc đấu tranh vừa yếu về lực lượng, vừa non kém về tổ chức như những phong trào đấu tranh của tư sản và tiểu tư sản ở nước ta lúc bấy giờ. Về chủ quan, bản thân giai cấp tư sản Việt Nam quá non yếu về kinh tế cũng như chính trị; tầng lớp tiểu tư sản do đời sống kinh tế bấp bênh nên tư tưởng của họ cũng dễ hoang mang, dao động, thiếu cơ sở sâu xa trong quần chúng; Việt Nam Quốc dân Đảng là đảng chính trị tiêu biểu cho tư sản dân tộc Việt Nam nhưng về tổ chức, kỷ luật thiếu nghiêm minh, thành phần đảng viên phức tạp. Khởi nghĩa Yên Bái nổ ra trong điều kiện chuẩn bị vội vàng, cơ sở đảng đang bị phá vỡ... do đó sự thất bại của các phong trào này là điều không tránh khỏi. Suy cho cùng, sự thất bại ấy là do bắt nguồn từ sự non yếu về kinh tế của giai cấp tư sản ở nước ta. Khởi nghĩa Yên Bái thất bại giống như một ngọn đèn tàn trong phong trào đấu tranh của tư sản dân tộc, trước khi tắt nó bùng lên lần cuối để rồi không bao giờ cháy nữa. Đây cũng là sự

kiện chấm dứt các phong trào yêu nước đi theo khuynh hướng dân chủ tư sản để nhường chỗ cho phong trào yêu nước đi theo con đường cách mạng vô sản ở Việt Nam.

3. Con đường cách mạng vô sản là lựa chọn tất yếu của lịch sử dân tộc Việt Nam

Sau khi những thử nghiệm về con đường cứu nước theo hệ tư tưởng phong kiến và dân chủ tư sản ở Việt Nam thất bại, lịch sử Việt Nam đã hướng sang một con đường cứu nước mới – con đường cách mạng vô sản, gắn liền với tên tuổi của nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh.

Vậy, lịch sử lựa chọn con đường cứu nước và phát triển xã hội theo khuynh hướng vô sản được dựa trên những điều kiện nào? Cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất phản ánh mâu thuẫn giữa đế quốc với đế quốc sâu sắc, đánh dấu sự khủng hoảng của thế giới tư bản. Cách mạng tháng Mười Nga thành công - một nhà nước công nông ra đời, là thắng lợi của giai cấp vô sản, mở đầu thời đại mới - thời đại cách mạng vô sản. Sự kiện đó đã mở ra một con đường mới cho các dân tộc thuộc địa tiến hành công cuộc đấu tranh tự giải phóng đó là con đường vô sản. Năm 1919, Lênin sáng lập Quốc tế 3, tổ chức này chủ trương ủng hộ cách mạng thuộc địa, gắn cách mạng thuộc địa với cách mạng vô sản chính quốc, trực tiếp chỉ đạo phong trào cách mạng thế giới.

Năm 1920, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác – Lênin, tiếp thu ánh sáng của Cách mạng tháng Mười, ủng hộ Quốc tế cộng sản. Lần đầu tiên Người đọc Luận cương Lênin và tìm thấy trong đó con đường cách mạng đúng đắn – con đường cách mạng vô sản. Từ đó, ánh sáng của Cách mạng tháng Mười, Chủ nghĩa Mác – Lênin được chiếu rọi đến Việt Nam. Trong những năm sau khi Quốc tế cộng sản ra đời, nhiều chính đảng cộng sản của công nhân ra đời ở các nước tư bản

phương Tây cũng như thuộc địa ở phương Đông, trong đó có hai Đảng ảnh hưởng đến Việt Nam đó là Đảng cộng sản Pháp và Đảng cộng sản Trung Quốc. Ở Việt Nam, sau chiến tranh thế giới thứ nhất thực dân Pháp tiến hành khai thác thuộc địa lần 2 với quy mô lớn hơn, tốc độ nhanh hơn, đời sống của các tầng lớp, giai cấp trong xã hội ngày càng cực khổ. Từ bối cảnh trên, lịch sử đặt ra những yêu cầu mới, và một sự lựa chọn dứt khoát trên con đường tranh đấu của dân tộc. Cũng từ đây một luồng tư tưởng mới – tư tưởng vô sản từ cách mạng tháng Mười được du nhập vào nước ta, người đã đưa luồng tư tưởng đó vào Việt Nam là tiểu tư sản trí thức, những người yêu nước – tiêu biểu là Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, đồng thời có cả những người công nhân, binh lính phục vụ cho chiến tranh, những thương nhân, đội quân khai thác thuộc địa lần 2. Tư tưởng vô sản được coi là hạt giống mới đưa vào mảnh đất Việt Nam và được nảy nở trên cơ sở kinh tế xã hội, điều kiện chính trị do cuộc khai thác thuộc địa tạo ra. Quá trình bóc lột của thực dân Pháp càng làm cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta bùng nổ mạnh mẽ. Đó là những yếu tố thuận lợi để Việt Nam tiến hành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường vô sản mà tất yếu lịch sử phải lựa chọn. Khi khuynh hướng vô sản ra đời, khuynh hướng tư sản không mất đi mà vẫn tiếp tục trong phong trào yêu nước (mặc dù đã lỗi thời và có nhiều hạn chế). Khuynh hướng tư sản vẫn tiếp tục trong điều kiện tồn tại và phát triển của khuynh hướng vô sản, bởi vì khuynh hướng tư sản tuy đã thất bại nhưng chưa mất đi hoàn toàn. Khuynh hướng vô sản mới mẻ chưa có điều gì chứng tỏ là sẽ thắng lợi hoàn toàn hơn hẳn chủ nghĩa tư bản, do đó phải trải qua thời kỳ lựa chọn.

Trong thập kỷ 30, hai khuynh hướng cứu nước tư sản và vô sản cùng tồn tại và đấu tranh loại bỏ nhau, cùng tranh thủ sự thừa nhận của

lịch sử, cuộc đấu tranh giai cấp giữa tư sản và vô sản về mặt quan điểm, đường lối chính trị. Cuộc đấu tranh này là cơ hội để cho lịch sử lựa chọn và cuối cùng con đường cứu nước theo khuynh hướng vô sản đã thắng thế - sự lựa chọn này được thể hiện dứt khoát vào đầu năm 1930 thông qua hai sự kiện tiêu biểu là khởi nghĩa Yên Bái và sự ra đời của Đảng.

Sự lựa chọn con đường cứu nước theo khuynh hướng vô sản của lịch sử dân tộc là đúng đắn, sáng tạo, thể hiện tính “ưu việt” so với con đường cứu nước theo khuynh hướng tư sản. Tư tưởng vô sản vào nước ta sau cách mạng tháng Mười là một tư tưởng mới đối với Việt Nam và thời đại, nó chưa bộc lộ những hạn chế, những người tiếp thu tư tưởng vô sản là tiểu tư sản trí thức, họ xuất thân từ tầng lớp tư sản và địa chủ có những hạn chế về giai cấp và thời đại nhưng họ được vô sản hóa. Cơ sở xã hội của luồng tư tưởng vô sản là giai cấp vô sản – là giai cấp lao động ra đời trong công cuộc khai thác thuộc địa của Pháp bị áp bức nặng nề, đại diện cho lực lượng sản xuất tiên bộ, đó là giai cấp cách mạng và có sức mạnh to lớn, liên minh chặt chẽ với giai cấp nông dân tạo ra khối liên minh công nông vững chắc - một yếu tố quan trọng cho sự thắng lợi của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng trung ương, *Văn kiện Đảng (1930 – 1945) tập 1,2,3*, Nxb Sự thật, Hà Nội;
2. Hồ Chí Minh, *Tuyển tập - Tập 1 và 2*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1980;
3. Văn Tạo, Phạm Xuân Nam, Cao Văn Lượng, *Nửa thế kỷ đấu tranh dưới ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1980;
4. Trần Bá Đệ (chủ biên), Nguyễn Ngọc Cơ, Nguyễn Đình Lễ, *Lịch sử Việt Nam (1930-1945)*, (Tái bản lần thứ 2), Nxb Đại học Sư phạm - Đại học Quốc gia, Hà Nội, 1995;
5. Trần Bá Đệ, *Lịch sử Việt Nam từ 1975 đến nay - Những vấn đề lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, 1997;
6. Trần Bá Đệ (chủ biên), *Lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay* (Sách Cao đẳng Sư phạm), Nxb Giáo dục, 1998;
7. Viện Mác-Lênin, *Cương lĩnh đổi mới và Phát triển*, Trung tâm lý luận, Hà Nội, 1991.

4. Kết luận

Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam được thực hiện theo con đường cách mạng vô sản được lịch sử dân tộc chọn năm 1930. Đường lối chiến lược cách mạng được nêu trong “Cương lĩnh chính trị cách mạng tư sản dân quyền” của Đảng là trong các văn kiện: Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt...(2/1930), Luận cương chính trị (10/1930), Bàn về cách mạng Việt Nam (2/1951). Đường lối chiến lược, khi đưa ra thực hiện đã được cụ thể hóa trong chủ trương chỉ đạo chiến lược phù hợp với từng thời kỳ lịch sử cụ thể. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo cách mạng Việt Nam, sau 15 năm chuẩn bị những điều kiện quan trọng và trải qua 3 cuộc tập dượt năm 1930 – 1931, 1936 – 1939, 1939 – 1945, thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã khẳng định con đường cứu nước vô sản là con đường duy nhất đúng đắn. Quá trình đấu tranh giữa các hệ tư tưởng phong kiến với tư sản, tư sản và vô sản là điều kiện để kích thích sự lựa chọn con đường cứu nước giải phóng dân tộc và phát triển xã hội vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.